

Bản án số 144/2023/HC-PT

Ngày 15 - 3 - 2023

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 722/2022/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 256/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn L, sinh năm 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, ấp L1, xã L3, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1975 (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/5/2021) (có mặt);

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ 1411, chung cư H, phường P, quận H1, thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Dương Văn X-
Chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện (Theo Văn bản số 158/UBND ngày 08/02/2023):

+ Ông Nguyễn Thiện H2, sinh năm 1975 - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

+ Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1970 - Chức vụ: Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1978 (có mặt);

3.2. Ông Phan Văn T1, sinh năm 1974 (xin vắng mặt);

3.3. Ông Trần Thanh L2, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp L1, xã L3, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn L là người khởi kiện, ông Trần Thanh T và ông Trần Thanh L2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Văn L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình ông thuộc diện bị thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Đ- B, huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Tây Ninh. Gia đình ông luôn chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước hoàn toàn ủng hộ với chủ trương của tỉnh về thực hiện dự án đường Đ- B.

Tuy nhiên, khi nhận được các văn bản hành chính của UBND huyện D liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất thu hồi của nhà ông để thực hiện dự án thì gia đình ông hoàn toàn không đồng ý và yêu cầu hủy các quyết định sau:

+ Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND huyện D v/v thu hồi đất thực hiện dự án đường Đ- B (sau đây viết tắt là đường ĐS-BC);

+ Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện D phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án đường ĐS-BC;

+ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND huyện D phê duyệt bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Trần Văn L, Thân Thị Thúy N để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: đường ĐS-BC.

+ Văn bản số 552/UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc trả lời đơn của ông.

Bởi các lý do sau:

- Thứ nhất: UBND huyện D đã vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục thu hồi đất theo Luật Đất đai năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất thực hiện các dự án và quy chế về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh được ban hành theo Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh T3;

Những điểm sai của UBND huyện D như sau:

1. Không thông báo trước cho người có đất bị thu hồi theo quy định tại Điều 67 Luật Đất đai năm 2013, vì gia đình ông không được mời dự họp, không được phổ biến về chủ trương thu hồi đất của gia đình ông để thực hiện dự án đường ĐS-BC;

Không được nhận Thông báo số 1305/TB-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất thực hiện dự án. Ông có nhiều lần đề nghị nhưng UBND huyện và các ngành chức năng cũng như UBND xã L3 đều từ chối không cung cấp cho gia đình ông. Trong khi, tại Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND huyện D có căn cứ vào Thông báo số 1305/TB-UBND ngày 04/10/2019 về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường ĐS-BC.

2. Ông có tham dự họp dân 02 lần để nghe thông qua giá bồi thường về đất và dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng qua đoạn xã L3. Tuy nhiên, nội dung được thông báo là nội dung giá đền bù đất nông nghiệp, không thông báo giá đất ở nông thôn. Không được nghe huyện triển khai nội dung Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 và Công văn 1418/UBND-KTTC ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh T3.

3. Ông là người dân bị thu hồi đất nhưng không được cung cấp Trích lục thửa đất theo hiện trạng sử dụng của thửa đất bị thu hồi.

Công ty đo đạc xuống nhà ông khảo sát, ông có mặt, ông chỉ thấy họ đo diện tích đất và ông không được thông báo cụ thể họ đo diện tích đất để làm gì, họ không lập biên bản và ông cũng không được cung cấp kết quả hay biên bản đo đạc.

4. UBND huyện thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị thu hồi đất để thực hiện công trình đường ĐS-BC trước khi thực hiện quy trình lấy ý kiến người dân và niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án; tổng hợp ý kiến dự thảo phương án và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng thông qua dự

thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; đây là việc làm trái quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của người dân, bằng chứng là:

+ Ông nhận được 02 giấy mời đi nhận tiền vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 14/4/2020 và ngày 27/4/2020, với nội dung: Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình đường ĐS-BC.

+ Nhưng ngày 10/7/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D mới phối hợp với UBND xã L3 thực hiện niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để công trình: đường ĐS-BC, đoạn từ Suối H3 đến Trường Tiểu học L1, thuộc xã L3 (gồm 114 hộ gia đình, cá nhân, thuộc xã L3, huyện D, tỉnh Tây Ninh) - có biên bản ghi nhận. Ngày 04/8/2020, kết thúc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

+ Ngày 30/7/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D mới có Báo cáo số 12/BC-TTPTQĐ tổng hợp ý kiến dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ;

+ Ngày 04/8/2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng thông qua dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ huyện mới tổ chức họp thông qua phương án (Biên bản số 16/BB-HĐBT).

+ Ngày 10/8/2020, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D mới phối hợp với UBND xã L3 thực hiện công khai Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

+ Ngoài ra, vào các ngày 07/3/2020, ngày 11/3/2020, ngày 24/3/2020, ngày 18/4/2020 và ngày 28/4/2020 tại tài khoản Facebook có tên Huỳnh Văn D1 đã đăng tải thông tin trong nhóm L3 Suối H3 với nội dung cho thấy từ ngày 06/3/2020 đến ngày 27/4/2020, UBND huyện đã tổ chức được 05 (năm) đợt chi trả tiền hỗ trợ, bồi thường thực hiện công trình đường ĐS-BC cùng với đó là đăng tải nhiều hình ảnh và nội dung số tiền đã chi trả.

Đôi chiếu về mặt thời gian, có thể thấy những thông tin đăng tải của Facebook Huỳnh Văn D1 như nêu trên được diễn ra trước thời gian công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Nếu đúng như thông tin tài khoản Facebook Huỳnh Văn D1 đưa thì việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người dân đã được thực hiện rồi Trung tâm Phát triển quỹ đất mới tiến hành “hợp thức hóa” hồ sơ.

5. Việc niêm yết công khai và kết thúc niêm yết công khai của UBND huyện thực hiện chưa đảm bảo theo đúng quy trình mà pháp luật quy định, bởi chỉ có 01 hộ dân biết và đại diện tham gia chứng kiến.

Cụ thể, tại 03 Biên bản công khai niêm yết ngày 10/7/2020, ngày 04/8/2020, ngày 10/8/2020. Trong các biên bản ghi rõ thành phần tham gia có ông Nguyễn Văn S- Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; ông Nguyễn Khắc Đ1- Chủ tịch UBND xã; ông Nguyễn Đắc T2- Chuyên viên Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; ông Nguyễn Hoàng M- Công chức Địa chính - Xây dựng xã; ông Huỳnh Văn D1- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc xã L3; và ông (bà) Phan Thị N1- Đại diện hộ dân.

Ở cả biên bản niêm yết công khai và kết thúc niêm yết chỉ ghi có duy nhất ông (bà) Phan Thị N1 là “Đại diện hộ dân” tham gia chứng kiến, bản thân gia đình ông và các hộ trong số 114 hộ gia đình, cá nhân, thuộc xã L3 bị thu hồi đất không ủy quyền cho bà Phan Thị N1 làm “Đại diện” cho ông.

Trong các biên bản đều có ghi nhận nội dung “*Các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất trong dự án thống nhất với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và đã được niêm yết công khai*”. Gia đình ông không biết gì về vấn đề niêm yết công khai; cũng không ủy quyền cho ai về thống nhất với nội dung dự thảo phương án; không nghe thấy xã thông báo nội dung dự thảo phương án trên hệ thống loa truyền thanh của xã.

6. UBND huyện D thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị thu hồi đất trước khi ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ;

Cụ thể: ông được thông báo đi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ từ tháng 3 và tháng 4/2020 nhưng đến ngày 07/8/2020 UBND huyện mới ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND v/v thu hồi đất và ngày 12/8/2020 mới ban hành Quyết định số 1353/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án đường ĐS-BC;

7. Tháng 3 và tháng 4/2020 UBND huyện thông báo ông đi nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ, nhưng ngày 20/8/2020 mới được nhận Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 và Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020; đến ngày 06/11/2020 và 29/3/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện mới ban hành Bản Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ về đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc và cây trái, hoa màu, Phương án bổ sung.

8. Tại Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện D v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện dự án có nêu căn cứ pháp lý là Biên bản họp số 507/BB-UBND ngày 11/02/2019 của UBND tỉnh T3 là sai. Vì Biên bản họp của UBND tỉnh không phải là văn bản pháp lý để làm căn cứ.

- Thứ hai: Đối với Quyết định thu hồi đất UBND huyện vi phạm nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của ông khi ban hành đã xác định sai loại đất sử dụng, vi phạm nghiêm trọng quyền lợi hợp pháp của ông, vì những lẽ sau:

Theo Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 thì diện tích đất nhà ông bị thu hồi là 430,5m² là một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại xã L3, huyện D, tỉnh Tây Ninh; cụ thể:

+ Thu hồi ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ): 430,5m²;

+ Vị trí, diện tích đất thu hồi theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của Công ty cổ phần đo đạc bản đồ địa chính Tây Ninh lập ngày 09/3/2019 và được Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu ngày 20/6/2019.

Ông không đồng ý với Quyết định này vì: Quyết định thu hồi đất của UBND huyện ban hành thiếu căn cứ pháp lý quy định về quy hoạch lộ giới các đường trên địa bàn huyện D trong đó có xã L3;

Thửa đất số 31; tờ bản đồ số 15 của ông theo GCNQSDĐ số AC 945597 do UBND huyện D cấp ngày 22/8/2005 có 3.187,0m², trong đó: 400,0m² là đất ở nông thôn và 2.787,0m² là đất trồng cây lâu năm. Nguồn gốc sử dụng do cha ông tự khai phá từ trước năm 1975, được Nhà nước công nhận và cấp GCNQSDĐ, sau này cha mẹ ông thừa kế lại cho ông; mục đích sử dụng đất đã được ghi nhận trong GCNQSDĐ không thể hiện diện tích đất nào là đất ngoài GCNQSDĐ; hàng năm gia đình ông đều đóng thuế đất phi nông nghiệp theo quy định.

Tại Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020, UBND huyện D chỉ nêu là thu hồi ngoài GCNQSDĐ: 430,5m², nhưng không nêu rõ việc thu hồi ngoài GCNQSDĐ: 430,5m² đất là loại đất nào, mục đích sử dụng đất như thế nào, nằm ở vị trí nào, căn cứ vào đâu để UBND huyện khẳng định đó là đất ngoài GCNQSDĐ;

Căn cứ vào Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ năm 2020 - 2024 thì: L3 thuộc xã loại 2, khu vực nhà ông là khu vực 1 trong xã vì đất nhà ông có mặt tiền tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện (đường nhựa có độ rộng nền đường từ 09 mét trở lên);

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định 57/2019/QĐ-UBND một số quy định cụ thể khi xác định trung tâm xã, khu dân cư và vị trí đất phi nông nghiệp ở nông thôn thì nhà ông thuộc khu dân cư tập trung trong quy định này là khu dân cư có từ 30 hộ gia đình trở lên có đất ở hoặc nhà ở hoặc đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc theo các tuyến đường giao thông, theo từng cụm riêng lẻ được xác định đến ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng tiếp giáp đất nông nghiệp. Nên phần đất bị thu hồi của nhà ông đương nhiên được công nhận là đất phi nông nghiệp ở nông thôn;

Căn cứ Điều 3; Điều 4 (khoản 1, 2, điểm b khoản 5, khoản 6), khoản 3 Điều 6 của Bảng giá đất theo Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh T3 thay thế Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND thì 430,5m² đất thu hồi ngoài GCNQSDĐ của nhà ông thuộc vị trí đất phù hợp với quy hoạch là đất ở nông thôn (đất phi nông nghiệp tại nông thôn).

- Thứ ba: Đối với các quy định tại Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ĐS-BC; Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 về phê duyệt bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ĐS-BC; Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc và cây trái, hoa màu ngày 06/11/2020 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D; Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc và cây trái, hoa màu, Phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc và cây

trái, hoa màu ngày 29/3/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D ông không đồng ý vì:

+ UBND huyện xác định sai loại đất sử dụng đất của ông nên đã áp giá bồi thường, hỗ trợ không đúng đối với 430,5m² thu hồi ngoài GCNQSDĐ là loại đất CLN, vị trí 1, thì phần đất 430,5m² đất thu hồi ngoài GCNQSDĐ của nhà ông đương nhiên được công nhận là đất phi nông nghiệp ở nông thôn;

+ Căn cứ Điều 3; Điều 4 (khoản 1, 2, điểm b khoản 5, khoản 6); khoản 3 Điều 6 của Bảng giá đất theo Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh thay thế Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND thì 430,5m² đất thu hồi ngoài GCNQSDĐ của nhà ông thuộc vị trí đất phù hợp với quy hoạch là đất ở nông thôn (đất phi nông nghiệp tại nông thôn);

+ Căn cứ khoản 5 Điều 1 Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện công trình: đường ĐS-BC, xã L3 quy định: “Đất ở nông thôn nằm trong phạm vi 50 mét đầu tiên tiếp giáp đường ĐS-BC (đoạn từ cách Ngã ba Đ đến cầu K8) thuộc xã Truong Mít, L3: 2.964.000 đồng/m²”. Phù hợp áp dụng với vị trí đất của gia đình ông và phần diện tích 430,5m² phải được tính với giá 2.964.000 đồng/m² mới đúng.

+ Tại Phương án bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc và cây trái, hoa màu do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phát hành ngày 29/3/2021 và Phương án bổ sung thể hiện tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 295.206.242 đồng.

Căn cứ Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh T3 ban hành bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc thì UBND huyện đã xác định không đúng quy mô công trình nhà ở và các công trình khác của gia đình ông phải phá dỡ khi thu hồi đất nên mức giá bồi thường mà UBND áp giá quá thấp so với thực tế, chưa hợp tình hợp lý, chưa bù đắp được giá trị thực tế sử dụng.

Mặc dù ông vẫn đứng tên người sử dụng đất, tuy nhiên ông đã chia cho các con xây dựng nhà ở ổn định và làm nơi kinh doanh buôn bán (có đăng ký kinh doanh); khi Nhà nước thu hồi đất có làm ảnh hưởng tới công việc buôn bán của các con ông, nhưng UBND huyện chưa xem xét hỗ trợ đối với các con ông là các hộ kinh doanh khi bị thu hồi đất theo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh T3.

- Thứ tư: Đối với Văn bản số 552/UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện trả lời giải quyết đơn khiếu nại của ông còn chung chung, không giải quyết những thắc mắc của ông mà chỉ trả lời với ý né tránh trách nhiệm mà chưa giải quyết thoả đáng các yêu cầu của ông; không nhìn nhận rõ sự việc, xem xét đúng sai những khiếu nại nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân.

Từ đó ông yêu cầu hủy các Quyết định và văn bản trên.

Người bị kiện trình bày tại Văn bản số 373/UBND ngày 01/8/2022 và người đại diện theo ủy quyền cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

1. Đối với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND huyện D về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường ĐS-BC và Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện D về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: đường ĐS-BC;

Dự án đường ĐS-BC (sau đây viết tắt là dự án) được UBND tỉnh T3 phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: đường ĐS-BC. Dự án thuộc nhóm đầu tư hạ tầng trọng điểm do Nhà nước đầu tư công ích, góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Dự án thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Ông Trần Văn L là người sử dụng thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.187m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn (ONT) 400m², đất trồng cây lâu năm (CLN) 2.787m², tọa lạc tại ấp L1, xã L3, huyện D, tỉnh Tây Ninh, do UBND huyện D cấp GCNQSDĐ ngày 22/8/2005, thể hiện đã trừ diện tích nằm trong lộ giới quy hoạch 31m (từ tim đường sang mỗi bên 15,5m).

Căn cứ Biên bản số 402/BB-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh T3, thống nhất phạm vi đường ĐS-BC hiện trạng cũ (không bồi thường khi thu hồi đất) là 12m (tính từ tim đường hiện hữu ra mỗi bên 06m không bồi thường về đất). Đối với phần diện tích thuộc phần lộ giới, không nằm trong diện tích đất được cấp GCNQSDĐ (đã trừ khi cấp GCNQSDĐ) do ông Trần Văn L đang sử dụng vẫn được xem xét bồi thường là đất nông nghiệp ven đường (đất cây lâu năm) theo chủ trương của UBND tỉnh.

Ngày 04/10/2019, UBND huyện D ban hành Thông báo số 1305/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường ĐS-BC đối với ông Trần Văn L, trong đó dự kiến diện tích, loại đất thu hồi là đất ở tại nông thôn (ONT), cây lâu năm (CLN) và đề nghị người sử dụng đất phối hợp khảo sát, xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Kết quả đo đạc, cắm mốc, phục vụ giải phóng mặt bằng của dự án và kiểm tra, kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất, nhà ở, tài sản gắn liền với đất của ông Trần Văn L, xác định diện tích đất ông L được thu hồi để thực hiện dự án đường ĐS-BC là 430,5m², không nằm trong GCNQSDĐ được cấp, do đó xác định loại đất thu hồi là đất nông nghiệp ven đường (đất cây lâu năm) là đúng quy định.

Việc áp giá bồi thường về đất thực hiện theo đúng Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh T3 về phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện dự án đường ĐS-BC.

Việc áp giá bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc; cây trồng, vật nuôi thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh T3 ban hành Bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh T3 quy định giá bồi thường đối với cây trồng vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, trong đó đối với trường hợp phần còn lại của nhà ở, công trình sinh hoạt vẫn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì bồi thường theo thiệt hại thực tế (xác định thiệt hại thực tế phạm vi ảnh hưởng khi công trình bị tháo dỡ một phần đã được cơ quan chuyên môn thẩm định và thống nhất của Hội đồng Bồi thường).

Ngày 07/8/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 927/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường ĐS-BC đoạn từ Suối H3 đến Trường tiểu học L1 (trong đó có trường hợp của ông Trần Văn L) và Quyết định số 1011/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường ĐS-BC đối với ông Trần Văn L, bà Thân Thị Thúy N(bổ sung tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường ĐS-BC).

Trên cơ sở phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D trình UBND huyện và UBND huyện ban hành Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020, phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ cho ông L, bà N(bổ sung tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/3/2021), tổng số tiền bồi thường là 487.752.138 đồng.

Việc xác định loại đất thu hồi, áp giá đền bù về đất, tài sản gắn liền với đất cho ông Trần Văn L là đúng quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, không đồng ý yêu cầu hủy 3 quyết định của ông Trần Văn L.

2. Đối với yêu cầu hủy Văn bản số 552/UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc trả lời đơn của ông Trần Văn L:

Ngày 23/4/2021, UBND huyện nhận được đơn của ông Trần Văn L với nội dung khiếu nại bồi thường đất đai thuộc dự án đường ĐS-BC.

Căn cứ Điều 9; khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì thời hiệu, thời hạn khiếu nại quyết định hành chính của ông Trần Văn L đã hết mà không có lý do chính đáng (ngày 20/8/2020, ông Trần Văn L nhận Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ) và các nội dung yêu cầu trong đơn của ông Trần Văn L, thể hiện nội dung là phản ánh, kiến nghị liên quan công tác bồi thường, hỗ trợ.

Để rà soát lại quá trình thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với dự án đường ĐS-BC và trả lời các nội dung yêu cầu của ông Trần Văn L. Thanh tra huyện kiến nghị Chủ tịch UBND huyện xem xét cho thụ lý giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh đối với ông Trần Văn L.

Sau khi làm việc với ông Trần Văn L, các cơ quan chuyên môn có liên quan đến việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với dự án và hồ sơ tài liệu thực hiện dự án. Chủ tịch UBND huyện ban hành Văn bản số 552/UBND ngày 31/5/2021 về việc trả lời đơn của ông Trần Văn L đối với yêu cầu liên quan bồi thường đất đai thuộc dự án đường ĐS-BC là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND huyện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L.

3. Đối với việc bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên cho hộ ông Trần Văn L: Trong quá trình điều tra, đo đạc, kiểm đếm về đất và tài liệu trên đất ngày 26/11/2019 đối với hộ ông Trần Văn L, gia đình ông L không cung cấp các hồ sơ đăng ký kinh doanh của các con. Mặt khác, theo yêu cầu của ông L “Hiện nay đất do ông đứng tên nên toàn bộ tài sản trên đất ghi trong biên bản kiểm đếm cho ông Trần Văn L sau khi nhận tiền bồi thường ông sẽ tự chia cho các con ông”. Do đó trong Biên bản kiểm đếm và Quyết định bồi thường hỗ trợ của UBND huyện đều do ông L ký tên.

Trường hợp ông L yêu cầu thực hiện bồi thường về tài sản trên đất cho các con UBND huyện sẽ điều chỉnh Quyết định bồi thường về tài sản trên đất theo đúng quy định.

4. Đối với việc hỗ trợ sản xuất kinh doanh đối với các con ông Trần Văn L:

Việc hỗ trợ sản xuất kinh doanh đối với nhiều hộ gia đình, cá nhân có giấy phép kinh doanh trên cùng một thửa đất theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh về chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được quy định như sau:

“Khi nhà nước thu hồi đất của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) mà bị ngừng sản xuất kinh doanh thì được hỗ trợ.

1. Đối với tổ chức kinh tế, hộ đang sản xuất kinh doanh có giấy phép hoặc có đăng ký kinh doanh còn hiệu lực và có thực hiện nghĩa vụ thuế thì được hỗ trợ một lần 2.500.000 đồng trên một tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh.

2. Trường hợp không có đăng ký kinh doanh nhưng có thực hiện nghĩa vụ thuế, (có xác nhận của cơ quan thuế); trường hợp Nhà nước chỉ thu hồi một phần nhà, đất của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh, mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh do phải di dời thì được hỗ trợ một lần 1.200.000 đồng trên một tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh”.

Khi hộ ông L cung cấp đủ hồ sơ theo quy định thì UBND huyện sẽ xem xét hỗ trợ kinh phí này theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thanh T trình bày: Ông là con của ông Trần Văn L, được cha, mẹ cho đất vào năm 1999 nhưng chưa sang tên. Năm 2004 đầu tư kinh phí

xây dựng căn nhà để ở và kinh doanh buôn bán đồ điện, sắt... Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình số 45D8012035 do UBND huyện cấp ngày 01/3/2013. Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thì phần diện tích đất thu hồi là đất của cha ông (ông L) còn tài sản trên đất là của vợ chồng ông, nếu được bồi thường đúng quy định thì ông là người nhận.

2. Ông Trần Thanh L2 trình bày: Ông là con trai của ông Trần Văn L, thống nhất lời trình bày của ông T, ông được cha, mẹ cho đất và xây dựng nhà để ở và mở cửa hàng kinh doanh Internet theo Giấy đăng ký kinh doanh số 45D8000917 do UBND huyện D cấp lần đầu ngày 20/10/2004; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 12/9/2014; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 20/10/2016; Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thì phần diện tích đất thu hồi là đất của cha ông (ông L) còn tài sản trên đất là của vợ chồng ông, nếu được bồi thường đúng quy định thì ông là người nhận.

3. Ông Phan Văn T1 trình bày: Ông là con rể của ông Trần Văn L, khi được cha, mẹ cho đất, vào năm 2000 vợ chồng đầu tư kinh phí xây dựng căn nhà để ở và mở cửa hàng cắt may sau đó kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất... Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thì phần diện tích đất thu hồi là đất của cha ông (ông L) còn tài sản trên đất là của vợ chồng ông, nếu được bồi thường đúng quy định thì ông là người nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L yêu cầu hủy Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND huyện D về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường Đ- B; Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện D về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn L; Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND huyện D về Phê duyệt bổ sung chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn L; Văn bản số 552/UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc trả lời đơn của ông Trần Văn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/9/2022 và ngày 02/10/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh nhận đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung của người khởi kiện ông Trần Văn L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh L2 và ông Trần Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Hồng V đại diện cho ông Trần Văn L, ông Trần Thanh L2 và ông Trần Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Lê Thị Hồng V trình bày: Ông L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm vì án sơ thẩm giải quyết không đảm bảo quyền lợi.

Án sơ thẩm chưa đảm bảo về thủ tục tố tụng, bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông L có vợ là bà Thân Thị Thúy N, sinh năm 1950, đã chết ngày 11/12/2021 theo Trích lục khai tử số 57/TLKT-BS do UBND xã L3 cấp ngày 26/01/2022. Vợ chồng ông L sinh được 06 người con:

- Trần Thị Thanh X1, sinh năm 1971, chị X1 bị thất lạc Giấy khai sinh, hiện đang làm thủ tục đăng ký lại khai sinh tại UBND xã nơi cư trú;

- Trần Thị Thanh H4, sinh năm 1973, theo Giấy khai sinh số 301/2018 do UBND xã L3 cấp ngày 31/7/2018;

- Trần Thanh T, sinh năm 1978, UBND xã L3 đăng ký khai sinh ngày 27/4/1990;

- Trần Thanh L2, sinh năm 1980, UBND xã L3 đăng ký khai sinh ngày 03/3/1997;

- Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1982, UBND xã L3 đăng ký khai sinh ngày 07/4/1989;

- Trần Thị Thanh T5, sinh năm 1984, UBND xã L3 đăng ký khai sinh ngày 07/4/1989;

Theo các văn bản hành chính của UBND huyện D thể hiện rằng phần diện tích đất mà UBND huyện thu hồi thuộc phần tài sản chung của vợ chồng ông L. Bà N chết sau thời điểm UBND huyện ban hành các văn bản hành chính như đã nêu trên. Vậy, khi bà N chết thì phần tiền bồi thường, hỗ trợ của bà N thuộc tài sản thừa kế do bà N để lại cho các hàng thừa kế theo pháp luật, vì khi chết bà N không để lại di chúc. Khi nộp đơn khởi kiện ông L cũng đã nêu bà N đã chết tháng 12/2021; khi thụ lý vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đảm bảo đúng thủ tục tố tụng. Năm 1989 - 1990 vợ chồng ông L chia đất cho 06 người con để các con xây cất nhà kiên cố, ăn ở, kinh doanh buôn bán ổn định nhiều năm nay tại chính phần diện tích vợ chồng ông L đã chia cho các con. Trong đó có 04 người con đã xây dựng nhà ở ổn định là: Trần Thị Thanh X1, Trần Thanh T, Trần Thanh L2 và Trần Thị Thanh T4, còn hai người chưa cất nhà còn đất để trống là Trần Thị Thanh H4 và Trần Thị Thanh T5.

Riêng chị X1 đã làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tại UBND xã L3, đến năm 2005 được cấp GCNQSDĐ lần đầu.

Trong đơn khởi kiện ông L cũng đã nêu nội dung này. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác minh thực địa và tại phiên tòa sơ thẩm mở lần đầu ngày 07/7/2022 phải tạm dừng phiên tòa để bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh: Trần Thanh T, Trần Thanh L2 và anh Phan Văn T1 vì 03 anh có Giấy phép đăng ký kinh doanh. Tòa án đã bỏ qua không đưa chị Trần Thị Thanh T4 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi mà chính chị T4 đang sinh sống và trực tiếp kinh doanh tại địa chỉ nhà của chị T4 mà trước đây anh T1 mượn địa

chỉ để kinh doanh và xin cấp Giấy phép kinh doanh. Thẩm phán cấp sơ thẩm không ban hành Thông báo thụ lý vụ án bổ sung theo quy định. Ngay tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/7/2022, Thẩm phán Phạm Thị Thanh Giang đã photocopy bản Thông báo số 11/2022/TBTL-HC ngày 16/02/2022 và giao bản Thông báo số 11/2022/TBTL-HC cho các anh T, L2, T1.

Về nội dung thì UBND huyện D đã vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục thu hồi đất thể hiện qua các điểm sai như sau:

Không thông báo trước cho người có đất bị thu hồi theo quy định tại Điều 67 Luật Đất đai năm 2013,

Là người dân bị thu hồi đất nhưng không được cung cấp Trích lục thửa đất theo hiện trạng sử dụng của thửa đất bị thu hồi.

UBND huyện thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị thu hồi đất trước khi thực hiện quy trình lấy ý kiến người dân và niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án;

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện lập báo cáo tổng hợp ý kiến dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với (114 hộ) đề nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng huyện thông qua dự thảo và trình UBND huyện phê duyệt trước khi thực hiện niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ.

Việc niêm yết công khai và kết thúc niêm yết công khai của UBND huyện thực hiện chưa đảm bảo theo đúng quy trình mà pháp luật quy định, bởi chỉ có 01 hộ dân biết và đại diện tham gia chứng kiến.

UBND huyện D thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị thu hồi đất trước khi ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ;

Theo Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 thì diện tích đất nhà ông bị thu hồi là 430,5m² là một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại xã L3, cụ thể: Thu hồi ngoài GCNQSDĐ 430,5m².

Quyết định thu hồi đất của UBND huyện ban hành thiếu căn cứ pháp lý quy định về quy hoạch lộ giới các đường trên địa bàn huyện D trong đó có xã L3;

Nguồn gốc sử dụng Thửa đất số 31; tờ bản đồ số 15 theo GCNQSDĐ số AC 945597 do UBND huyện D cấp ngày 22/8/2005 có 3187,0m², trong đó: 400,0m² có mục đích sử dụng là đất ở nông thôn và 2787,0m² có mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm; trước đây do ông cha ông tự khai phá từ trước năm 1975, được Nhà nước công nhận và đăng ký kê khai quyền sử dụng đất từ năm 1980, sau này cha mẹ ông thừa kế lại cho con và vợ chồng ông thực hiện đăng ký kê khai số mục kê tại UBND xã trước năm 1990 (trước khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 15/4/1993 v/v ban hành quy định lộ giới các tuyến đường chính trong huyện D); mục đích sử dụng đất đã được ghi nhận trong GCNQSDĐ không thể hiện diện tích đất nào là đất ngoài

GCNQSDĐ; hàng năm gia đình ông đều đóng thuế đất phi nông nghiệp theo quy định.

Thông báo số 1305/TB-UBND ngày 04/10/2019 do UBND huyện ban hành dự kiến thu hồi 109,9m², loại đất đang sử dụng là ONT+CLN, không nêu là diện tích này nằm ngoài lộ giới. Vậy tại sao khi UBND huyện ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 có căn cứ Thông báo số 1305/TB-UBND ngày 04/10/2019 nhưng diện tích bị thu hồi là 430,5m² là một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15 tại xã L3, và UBND huyện xác định là ngoài GCNQSDĐ.

Tại 06 bản “Trích lục thửa đất” lập ngày 18/3/2021 thì tổng diện tích thu hồi là 430,2m², loại đất là ONT+CLN, không khớp với số liệu được nêu trong Quyết định thu hồi đất là 430,5m² và loại đất thu hồi là ngoài Giấy chứng nhận.

UBND huyện xác định sai loại đất sử dụng nên đã áp giá bồi thường, hỗ trợ không đúng đối với 430,5m² thu hồi ngoài GCNQSDĐ là loại đất CLN, vị trí 1. L3 thuộc xã loại 2, khu vực nhà ông là khu vực 1 trong xã vì có mặt tiền tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện (đường nhựa có độ rộng nền đường từ 09 mét trở lên);

- Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định 57/2019/QĐ-UBND thì nhà ông thuộc khu dân cư tập trung có từ 30 hộ gia đình trở lên có đất ở hoặc nhà ở hoặc đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc theo các tuyến đường giao thông, theo từng cụm riêng lẻ được xác định đến ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng tiếp giáp đất nông nghiệp được công nhận là đất phi nông nghiệp ở nông thôn;

- Căn cứ Điều 3; Điều 4 (khoản 1, 2, điểm b khoản 5, khoản 6), khoản 3 Điều 6 của Bảng giá đất theo Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh T3 thay thế Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND thì 430,5m² đất thu hồi ngoài GCNQSDĐ của ông thuộc vị trí đất phù hợp với quy hoạch là đất ở nông thôn (đất phi nông nghiệp tại nông thôn).

- Căn cứ khoản 5 Điều 1 Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện công trình: đường ĐS-BC, xã L3 quy định: “Đất ở nông thôn nằm trong phạm vi 50 mét đầu tiên tiếp giáp đường ĐS-BC (đoạn từ cách Ngã ba Đ đến cầu K8) thuộc xã Truong Mít, L3: 2.964.000 đồng/m²”. Phù hợp áp dụng với vị trí đất của ông L và phần diện tích 430,5m² phải được tính với giá 2.964.000 đồng/m² mới đúng.

Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của ông L.

Ông Trần Thanh T trình bày: Thống nhất ý kiến của bà V.

Ông L trình bày: Biên bản thu hồi đất không đưa cho ông. Thực hiện dự án rất đúng, người dân hoan nghênh. Thông báo thu hồi đất là đất ở nông thôn mà bồi thường không đúng. Ủy ban nhân dân cho rằng gia đình không cung cấp hồ sơ đăng ký kinh doanh là không đúng. Kinh doanh đóng thuế theo quy định

Nhà nước. Ba ông cho đất từ năm 1975. Ông cải tạo đất biết bao nhiêu tiền. Bồi thường như vậy là không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Thiện H2 trình bày: Việc thu hồi đất phải xác định tại thời điểm thu hồi đất, căn cứ vào GCNQSDĐ. Toàn bộ đường có 2 loại, đất ở nông thôn cũng chia 2 loại.

Bà V trình bày: Gia đình ông L sử dụng có nguồn gốc. Đất trồng lúa ven đường là không đúng người dân sử dụng ổn định, đất phi nông nghiệp phải là đất ở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Văn H3 trình bày: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch cấp GCNQSDĐ, có xem vị trí đường giao thông, gia đình ông L không khiếu nại việc cấp giấy. Căn cứ vào giấy chứng nhận thì phần thu hồi không nằm trong GCNQSDĐ, Nhà nước chỉ bồi thường giá đất nông nghiệp.

Ông H2 trình bày: Thông báo thu hồi đất có đất ở nông thôn, chứng tỏ ông L đã biết rõ việc này. Cán bộ khi đến kiểm tra thì thấy có nhà ghi đất ở nông thôn. Khi ban hành quyết định thì căn cứ vào giấy tờ cụ thể. Đất cây xăng phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

Bà V trình bày: Thông báo thu hồi đất ông L không được tiếp cận trước khi khởi kiện. Ông L mới tiếp cận sau này. Thông báo thu hồi đất căn cứ vào Quyết định 57/2019/QĐ-UBND và trích lục thửa đất làm gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Văn L, ông Trần Thanh L2 và ông Trần Thanh T; Lý do khởi kiện UBND huyện D là đã vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục thu hồi đất; xác định sai loại đất sử dụng; nên đã áp giá bồi thường, hỗ trợ không đúng đối với 430,5m² thu hồi ngoài GCNQSDĐ, vị trí đất của gia đình ông và phần diện tích 430,5m² phải được tính với giá 2.964.000 đồng/m² mới đúng; Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông còn chung chung.

UBND huyện D ban hành Quyết định đúng quy định của Luật Đất đai để phát triển lợi ích quốc gia, việc tổng đạt văn bản có thiếu sót nhưng ông L có tham gia cuộc họp dân và biết rõ chủ trương thực hiện dự án đường ĐS-BC nên việc thiếu sót của UBND không ảnh hưởng đến bản chất sự việc.

Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 có theo sơ đồ lập ngày 09/3/2019 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh nghiệm thu ngày 20/6/2019. Sau khi kiểm tra đối chiếu hồ sơ kê khai đăng ký đất của ông L (BL 279-284) thì diện tích trên không nằm trong giấy chứng nhận đã cấp.

Quyết định 1353/QĐ-UBND về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn L là đúng quy định: Tổng số tiền là 450.186.242 đồng trong đó, bồi thường hỗ trợ đất là 154.980.000 đồng, Bồi thường hỗ trợ kiến trúc là 295.206.000 đồng, ban hành quyết định này trên cơ sở Tờ trình số 92/TTr-PTQĐ ngày 11/8/2020 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D và Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND huyện D về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường ĐS-BC, đoạn từ Suối H3 đến Trường tiểu học L1 gồm 114 hộ dân, cá nhân.

Quyết định 128/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 về Phê duyệt bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn L: Bồi thường vật kiến trúc: 36.965.000 đồng; Cây trồng, vật nuôi, thủy sản: 600.000 đồng, trên cơ sở căn cứ vào Quyết định số 110 ngày 09/3/2021 của UBND huyện D về bổ sung phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D tại Tờ trình số 45/TTr-PTQĐ ngày 19/3/2021.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L xác định đất của hộ ông L thuộc xã loại 2, khu vực 1, căn cứ vào điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định 57/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 thì vị trí nhà ông L nằm ở Trung tâm xã, thuộc khu dân cư và là vị trí đất phi nông nghiệp ở nông thôn. Căn cứ tại Điều 3; Điều 4; khoản 3 Điều 6 của Bảng giá đất theo Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh T3 thay thế Quyết định 57/2019/QĐ-UBND thì giá đất bị thu hồi của hộ ông L phải áp giá 2.964.000 đồng/1m² mới đúng và phù hợp với khoản 5 Điều 1 Quyết định 245/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh T3. Nhưng diện tích 430,5m² không nằm trong Giấy chứng nhận nên hỗ trợ đất nông nghiệp ven đường cây lâu năm là đúng quy định. Đơn giá bồi thường đúng quy định.

UBND nhận đơn khiếu nại, thời hạn khiếu nại đã hết, UBND vẫn thụ lý và xem xét trả lời đúng quy định.

Trong quá trình điều tra, đo đạc, kiểm đếm về đất và tài liệu trên đất ngày 26/11/2019 đối với hộ ông Trần Văn L, gia đình ông L không cung cấp các hồ sơ đăng ký kinh doanh của các con. Mặt khác, theo yêu cầu của ông L “Hiện nay đất do ông đứng tên nên toàn bộ tài sản trên đất ghi trong biên bản kiểm đếm cho ông Trần Văn L sau khi nhận tiền bồi thường ông sẽ tự chia cho các con ông”. Những người liên quan như ông T, ông L2 được cha mẹ cho đất nhưng chưa sang tên, bồi thường tài sản trên đất đúng quy định.

Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh T3. Văn bản số 552/UBND của Chủ tịch UBND huyện đã trả lời cụ thể, đầy đủ những nội dung khiếu nại, phản ánh của ông L.

Từ những nhận định trên, Bản án sơ thẩm đã tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L như đã viện dẫn ở trên. Án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại đơn kháng cáo ngày 21/9/2022 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 02/10/2022 ông Trần Văn L, ông Trần Thanh T và ông Trần Thanh L2 cũng nêu lại nội dung của đơn khởi kiện và nội dung cho rằng việc UBND huyện D ban hành các Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 về việc thu hồi đất thực hiện Dự án đường ĐS-BC, Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án, Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 phê duyệt bổ sung phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ cho ông Trần Văn L, bà Thân Thị Thúy N bằng thực hiện công trình đường ĐS-BC là chưa thỏa đáng, xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình các đương sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xem xét giải quyết vụ án liên quan đến 03 quyết định hành chính đã nêu của UBND huyện D.

Xét thấy, Bản án sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đánh giá đúng và đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L là có căn cứ và đúng pháp luật. Các nội dung nêu trong đơn khởi kiện và được nêu lại trong đơn kháng cáo của ông L, ông T và ông L2 đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, nhận định và giải quyết thỏa đáng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện người bị kiện cho rằng dự án mở đường ĐS-BC được triển khai trong thời điểm dịch bệnh Covid-19 và được yêu cầu đẩy nhanh tiến độ nên quá trình triển khai việc thu hồi, đền bù của Chính quyền địa phương có một số thiếu sót liên quan đến thủ tục niêm yết, tổng đạt các quyết định hành chính, dự thảo phương án đền bù và các văn bản liên quan. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã nhận xét và xác định những sai sót này không làm thay đổi bản chất vụ án, không xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, kháng cáo của ông Trần Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh T, Trần Thanh L2 là không có căn cứ.

Ông Trần Văn L, ông Trần Thanh T và ông Trần Thanh L2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

Kháng cáo của ông L đã được giải quyết đầy đủ, phiên tòa sơ thẩm có sai sót liên quan đến thủ tục không ảnh hưởng và không xâm phạm đến quyền lợi của ông L. Các con của ông L tham gia phiên tòa sơ thẩm xác định không khởi kiện. Do đó, kháng cáo của ông L, ông T và ông L2 không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, ông T và ông L2, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 16/12/2021 ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND huyện D về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường ĐS-BC (sau đây viết tắt là Quyết định 1011); Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện D về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường (sau đây viết tắt là Quyết định 1353); Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND huyện D về phê duyệt bổ sung phương chi tiết bồi thường, hỗ trợ (sau đây viết tắt là Quyết định 128) và Văn bản số 552/UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc trả lời đơn của ông L (sau đây viết tắt là Văn bản 552).

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn L, ông Trần Thanh L2 và ông Trần Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Thực hiện Chủ trương của UBND tỉnh T3 về phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh T3 đã ban hành Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng trọng điểm do Nhà nước đầu tư công ích để góp phần quan trọng cho sự phát triển kinh tế đất nước nói chung và tỉnh Tây Ninh nói riêng, dự án đường ĐS-BC thuộc địa bàn huyện D là một trong những dự án quan trọng của tỉnh, được người dân đồng tình cao. Ông Trần Văn L là một trong 114 hộ dân sử dụng đất ven đường mà Nhà nước tiến hành thu hồi để phục vụ dự án, phía ông L thống nhất Chủ trương, tuy nhiên cho rằng việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, cơ quan Nhà nước trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ chưa đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L.

[2.2.2] Thông báo số 1305 ngày 04/10/2019, khi ban hành có giao về cho áp thực hiện công tác tổng đạt cho người dân ở địa phương nhưng do sơ xuất cán bộ không lập biên bản giao nhận, đây là thiếu sót của cán bộ khi làm nhiệm vụ. Tuy nhiên, ông L có tham gia cuộc họp dân và biết rõ chủ trương thực hiện dự án đường ĐS-BC. Hội đồng xét xử ghi nhận việc thiếu sót của UBND khi tiến hành tổng đạt văn bản, tuy nhiên thiếu sót trên không ảnh hưởng đến bản chất sự việc.

[2.2.3] Văn bản số 552 ngày 31/5/2021: thực hiện đúng Quyết định 2518 ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh T3. Việc ông L yêu cầu cung cấp bản vẽ, sơ đồ quy hoạch chi tiết hiện trạng thửa đất là không có căn cứ vì theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 69 “*Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất*”; điểm c khoản 1 Điều 5; điểm a khoản 3 Điều 6 tại Quyết định số 2518 ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh T3; Căn cứ vào 06 phiếu xác

nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất là 06 thửa của hộ ông L gồm: $57,4\text{m}^2 + 105,8\text{m}^2 + 66,5\text{m}^2 + 103,4\text{m}^2 + 44,9\text{m}^2 + 52,5\text{m}^2 = 430,5\text{m}^2$. Phù hợp với diện tích thu hồi theo Quyết định 1011. Như vậy, Văn bản số 552 của Chủ tịch UBND huyện trả lời đơn khiếu nại của ông L là cụ thể, đầy đủ không chung chung như đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày.

[2.2.4] Quyết định số 1011 ngày 07/8/2020: nội dung của quyết định là thu hồi $430,5\text{m}^2$ đất ngoài GCNQSDĐ theo sơ đồ lập ngày 09/3/2019 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh nghiệm thu ngày 20/6/2019. Lý do thu hồi đất căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai “*thực hiện dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư*”. Sau khi kiểm tra đối chiếu hồ sơ kê khai đăng ký đất của ông L (BL 279-284) thì diện tích trên không nằm trong giấy chứng nhận đã cấp.

[2.2.5] Quyết định 1353 về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Văn L: Tổng số tiền là 450.186.242 đồng trong đó, bồi thường hỗ trợ đất là 154.980.000 đồng, bồi thường hỗ trợ kiến trúc là 295.206.000 đồng. Ban hành quyết định này trên cơ sở Tờ trình số 92/TTr-PTQĐ ngày 11/8/2020 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D và Quyết định số 927 ngày 07/8/2020 của UBND huyện D về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường ĐS-BC, đoạn từ Suối H3 đến Trường tiểu học L1 gồm 114 hộ dân, cá nhân. Ông L được nhận Quyết định vào ngày 20/8/2020 và Quyết định này hợp pháp.

[2.2.6] Quyết định 128 ngày 22/3/2021 về Phê duyệt bổ sung phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn L:

Nội dung: Bồi thường vật kiến trúc: 36.965.000 đồng; Cây trồng, vật nuôi, thủy sản: 600.000 đồng, trên cơ sở căn cứ vào Quyết định số 110 ngày 09/3/2021 của UBND huyện D về bổ sung phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện D tại Tờ trình số 45/TTr-PTQĐ ngày 19/3/2021. Ông L nhận Quyết định này vào ngày 02/4/2021. Quyết định này hợp pháp.

[2.2.7] Quá trình giải quyết vụ án: Ông T, ông L2 và ông T1 là các con của ông L cung cấp cho Tòa án các Giấy phép đăng ký kinh doanh hộ gia đình thể hiện tài sản, công trình kiến trúc trên đất là của gia đình các ông và yêu cầu được nhận bồi thường đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án đã có Văn bản số 29/TAND-THC ngày 07/7/2022 gửi UBND huyện D yêu cầu có ý kiến về vấn đề trên. Trên cơ sở đó, UBND huyện D đã ban hành Quyết định hành chính điều chỉnh Quyết định 1353 và Quyết định 128 cho phù hợp thực tế, cụ thể đã ban hành Quyết định 188/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 và Quyết định 189/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 tiến hành tổng đạt cho các con của ông L thì các ông bà không nhận quyết định, cho rằng đã nhận Giấy triệu tập của Tòa án để xét xử vụ kiện nên không nhận 02 quyết định trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T, ông L2 và đại diện theo ủy quyền của ông L xác định không khởi kiện 2 quyết định trên.

[2.2.8] Về loại đất thu hồi và áp giá đất: Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định đất của hộ ông L thuộc xã loại 2, khu vực 1, căn cứ vào điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định 57 ngày 20/12/2019 thì vị trí nhà ông L nằm ở Trung tâm xã, thuộc khu dân cư và là vị trí đất phi nông nghiệp ở nông thôn. Căn cứ tại Điều 3; Điều 4; khoản 3 Điều 6 của Bảng giá đất theo Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh T3 thay thế Quyết định 57 thì giá đất bị thu hồi của hộ ông L phải áp giá 2.964.000 đồng/1m² mới đúng và phù hợp với khoản 5 Điều 1 Quyết định 245 ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh T3.

Sau khi ban hành Quyết định 245 ngày 11/02/2020 quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc do đó ngày 01/7/2020 UBND tỉnh T3 đã ban hành Công văn số 1418/UBND-KTTC về việc giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tại Mục 2 của Công văn thể hiện: *“Hỗ trợ thiệt hại nhà ở, công trình xây dựng khác trên đất nông nghiệp ven đường, nằm trong lộ giới quy hoạch phát triển giao thông đường Đ- B”* bao gồm 99 hộ, trong đó có hộ ông Trần Văn L. Do đó, phía ông L yêu cầu xác định đất thu hồi của ông thuộc loại đất phi nông nghiệp ở nông thôn và yêu cầu áp dụng giá 2.964.000 đồng/1m² là không có cơ sở pháp lý.

[2.2.9] Ông L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng vì vợ ông là Thân Thị Thúy N chết ngày 11/12/2021 trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý. Các Quyết định được ban hành đúng pháp luật nên không xem vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để hủy án.

[2.2.10] UBND huyện D đã ban hành Quyết định hành chính điều chỉnh Quyết định 1353 và Quyết định 128 cho phù hợp thực tế, cụ thể đã ban hành Quyết định 188/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 và Quyết định 189/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 có bà Trần Thị Thanh T4 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà T4 vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Tuy nhiên, việc này không làm thay đổi nội dung vụ án. Dự án đã thực hiện thu hồi trên 800 trường hợp và thực hiện đảm bảo quyền lợi của người dân.

[2.2.11] Ông L2 và ông T kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 và Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 nhưng tại cấp sơ thẩm, ông L2 và ông T không có yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét quyền lợi riêng của hai ông. Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét và chấp nhận kháng cáo của ông L2 và ông T.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông L, ông L2 và ông T kháng cáo không đưa ra được chứng cứ để làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, ông L2 và ông T, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị. Hội đồng xét xử có bổ sung thêm phần quyết định đối với các Quyết định đã được điều chỉnh.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Ông Trần Thanh L2 phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Ông Trần Thanh T phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 62; Điều 66; khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L, ông Trần Thanh L2 và ông Trần Thanh T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L yêu cầu hủy Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND huyện D về việc thu hồi đất thực hiện dự án đường Đ- B; Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện D về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Văn L (được điều chỉnh bởi Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 31/8/2022); Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND huyện D về Phê duyệt bổ sung chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn L (được điều chỉnh bởi Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 31/8/2022); Văn bản số 552/UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện D về việc trả lời đơn của ông Trần Văn L.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Trần Văn L được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Trần Văn L được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Ông Trần Thanh T phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000376 ngày 03/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ông Trần Thanh L2 phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000377 ngày 03/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu (Ấn - TrúC).

Đinh Ngọc Thu Hương